

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 231/2024/HC-PT

Ngày 19 - 6 - 2024

V/v “*Kiến nghị yêu cầu hủy quyết định hành
chính*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Văn Hợp**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Văn Tào**

Ông **Phạm Tồn**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Văn Phong**, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông **Trần Viết Tuấn**, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý về việc “*Khiếu kiện yêu cầu hủy quyết định hành chính*”. Do bản án hành chính sơ thẩm số 17/2023/HC-ST ngày 27/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1098/2024/QĐ-PT ngày 03 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự.

- Người khởi kiện: Bà **Trần Thị Đ**, sinh năm 1952. Địa chỉ: Tổ B phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Hồ Thành A** – sinh năm: 1989. Địa chỉ: Số C N, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng, có mặt.

- Người bị kiện:

+ Ủy ban nhân dân huyện H. Địa chỉ: Trung tâm hành chính, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tấn K – Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H, vắng mặt

- Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ. Địa chỉ: Số B T, quận H, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Nguyên C – Chức vụ: Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ, vắng mặt

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Hồ Thị Thu H, sinh năm 1976, vắng mặt

+ Bà Trần Hồ Cát N, sinh năm 1994, vắng mặt

+ Ông Trần Hồ Viễn P, sinh năm 2001, vắng mặt

Cùng địa chỉ: Thôn Q, xã H, huyện H, Đà Nẵng.

+ Ông Phạm Tiến D – sinh năm: 1994. Địa chỉ: Tổ H, thôn L, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên toà người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Cha bà Đ là ông Trần K1, mất năm 1967, mẹ bà Đ là Lê Thị C1, sinh năm 1918, mất năm 1990. Cùng trú tại: thôn Q, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Cha mẹ bà Đ khai khẩn và sinh sống trên mảnh đất tại Q, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng từ trước năm 1960. Diện tích thửa đất: 4.700, có xây dựng nhà ở/nhà thờ và các công trình khác.

Về hồ sơ pháp lý:

Vào năm 1964, cha bà Đ đã đăng ký đất này và được cơ quan có thẩm quyền thuộc chế độ cũ cấp chứng nhận. Sau khi cha bà Đ mất vào năm 1967, thực hiện Chỉ thị 299/TTg của Thủ tướng Chính phủ về công tác đo đạc, phân hạng và đăng ký ruộng đất trong cả nước, mẹ bà Đ là Lê Thị C1 cũng đã đăng ký, kê khai tại UBND xã H, thửa đất này lúc đăng ký thuộc tờ bản đồ số: 02, thửa: 0101, diện tích: 4.700. Loại đất: Thổ cư, tại sổ đăng ký ruộng đất quyền số: 02, sổ đăng ký: 73, sử dụng từ trước năm 1960. Đến khi mất, phần mộ của cha mẹ bà Đ vẫn nằm trên mảnh đất này. Vào năm 1995, ông Trần Thiên K2 là cháu sống cùng cha mẹ bà Đ tự ý đi kê khai, đăng ký và được UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Hộ của mình vào ngày 10/02/1995.

Năm 2004 ông Trần Thiên K2 chết, vợ ông K2 là bà Hồ Thị Thu H bỏ nhà đi chung sống với người khác, một thời gian sau bà H quay về mảnh đất này mang theo một con gái riêng. Đến năm 2011, Bà Hồ Thị Thu H và 02 con (Trần Hồ Viễn P, Trần Hồ Cát N) đã tự ý làm thủ tục đăng ký nhận thừa kế thừa đất của cha mẹ bà Đ, được UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 31/5/2011. Gần đây, Bà Hồ Thị Thu H tiếp tục làm thủ tục đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên thửa đất của cha mẹ bà Đ nói trên và được Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DC 989339 ngày 09/5/2022. Tiếp đó, bà Hồ Thị Thu H tiếp tục làm thủ tục tách thửa đất và được Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ cấp 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DG 242418 ngày 21/6/2022 và số DG 242419 ngày 21/6/2022. Sau khi tách thửa, hiện tại bà H đang định bán mảnh đất này của cha mẹ bà Đ, mảnh đất mà cha mẹ bà Đ đã sử dụng, đăng ký từ trước cho đến khi mất vẫn được chôn cất tại đây.

Xét toàn bộ sự việc, nhận thấy: Khi cha mẹ bà Đ mất, ông Trần Thiên K2 vào năm 1995 tự ý đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cha mẹ bà là hoàn toàn trái pháp luật. Từ đó, dẫn đến các việc sai phạm do bà Hồ Thị Thu H là vợ ông Trần Thiên K2 nhiều lần đi đăng ký, khai nhận, đăng ký thay đổi, được cấp quyền sử dụng đất của cha mẹ bà cho đến nay.

Do đó, bà Đ đã có Đơn khiếu nại gửi đến UBND xã H, ngày 25/8/2022, UBND xã H tổ chức buổi làm việc giải quyết khiếu nại theo Đơn của bà đối với bà Hồ Thị Thu H liên quan đến mảnh đất này. Tuy nhiên, bà H không tham gia làm việc, kết quả buổi làm việc không thành.

Với những việc làm như trên, xét thấy việc đăng ký, khai nhận và được chứng nhận quyền sử dụng đất đối với mảnh đất của cha mẹ bà Đ do ông Trần Thiên K2 trước đây và bà Hồ Thị Thu H thực hiện sau này vi phạm nghiêm trọng các quy định của pháp luật, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của gia đình bà.

Nay đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng giải quyết:

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 372281 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp cho ông Trần Thiên K2 ngày 10/02/1995.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 551641 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp cho bà Hồ Thị Thu H ngày 31/5/2011.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DC 989339 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ cấp cho bà Hồ Thị Thu H, Trần Hồ Cát N, và Trần Hồ Viễn P ngày 09/5/2022.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DG 242418 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ cấp ngày 21/6/2022.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DG 242419 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ cấp ngày 21/6/2022.

Tại phiên toà người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ là ông Võ Nguyên C vắng mặt nhưng trong quá trình tố tụng có văn bản gửi Tòa án trình bày:

Về nguồn gốc Giấy chứng nhận và nội dung biến động:

Quá trình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 372281, sổ vào sổ 01786 do UBND huyện H, tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng cấp ngày 10/02/1995 cho hộ ông Trần Thiên K2. Theo hồ sơ kê khai đăng ký theo Chỉ thị 299/TTg ngày 11/10/1980 của Thủ tướng Chính phủ được UBND xã H xác nhận tại Sổ đăng ký ruộng đất, Sổ mục kê, Bản đồ 299/TTg thì bà Lê Thị C1 có đăng ký ruộng đất số 1010, tờ bản đồ số 02, diện tích 4700m². Hồ sơ kê khai đăng ký theo Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ, như sau: ông Trần Thiên K2 kê khai đăng ký tại Sổ đăng ký ruộng đất thửa đất số 1032, tờ bản đồ số 09, diện tích 3980m² loại đất “T”, Bản đồ 64/CP có thể hiện thửa đất số 1032, tờ bản đồ số 9, diện tích 3980m² loại đất “T”. Ngày 10/02/1995, hộ ông Trần Thiên K2 được UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 372281 đối với thửa đất số 1032, tờ bản đồ số 9, diện tích 3980m², loại đất: Thổ cư; thời hạn sử dụng: Lâu dài, tại xã H, huyện H. Quá trình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 551641, sổ vào sổ CH04296 do UBND huyện H cấp ngày 31/5/2011 cho bà Hồ Thị Thu H.

Ngày 09/11/2010, bà Hồ Thị Thu H lập Văn bản khai nhận di sản thừa kế tại Văn phòng C2 có số công chứng: 7029, quyền số HV3 TP/CC - SCC/HĐGD; theo đó, bà Hồ Thị Thu H là đại diện cho các con chưa thành niên là Trần Hồ Cát N và Trần Hồ Viễn P khai nhận di sản thừa kế do chồng là ông Trần Thiên K2 (qua đời) để lại di sản thừa kế là quyền sử dụng đất tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 372281. Năm 2011, bà Hồ Thị Thu H nộp hồ sơ kế thừa quyền sử dụng đất từ chồng là ông Trần Thiên K2 (qua đời) để lại di sản thừa kế là quyền sử dụng đất tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 372281 đối với thửa đất số

1032, tờ bản đồ số 9, diện tích 3980m² tại xã H, huyện H và đồng thời bà H đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận, công nhận lại diện tích đất ở. Theo nội dung tại Giấy xác nhận về nguồn gốc sử dụng đất; Đơn đề nghị xác nhận nguồn gốc đất ở; Đơn xin xác nhận kê khai đăng ký đất đai theo Chỉ thị 299/TTg ngày 10/11/1980 của Thủ tướng Chính phủ được UBND xã H xác nhận là do bà Lê Thị C1 tự khai sử dụng trước năm 1960 có kê khai đăng ký theo Chỉ thị 299/TTg tại thửa đất số 1010, tờ bản đồ số 02, diện tích 4700m²; để lại cho ông Trần Thiên K2, ông K2 có kê khai đăng ký theo Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ và hộ ông Trần Thiên K2 được UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 372281 đối với thửa đất số 1032, tờ bản đồ số 9, diện tích 3980m², loại đất: Thổ cư; thời hạn sử dụng: Lâu dài, tại xã H, huyện H. Nay ông K2 (chết) để lại tài sản cho vợ là bà Hồ Thị Thu H; tình trạng về tranh chấp đất đai là không có ai tranh chấp đất đai, không có quy định giải tỏa.

Theo Phiếu lấy ý kiến khu dân cư về nguồn gốc đất và Biên bản trích đo địa chính thửa đất, Sơ đồ vị trí thửa đất cấp đổi, cấp đổi Giấy chứng nhận thời điểm sử dụng đất được UBND xã H xác nhận ngày 15/4/2011 thể hiện, hiện trạng thửa đất số 1032, tờ bản đồ số 9, diện tích 3980m². Ngày 15/02/2011, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất trực thuộc Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện H lập Phiếu chuyển thông tin địa chính số 8701/PC – VPĐK gửi Chi cục thuế huyện H để xác định nghĩa vụ tài chính và theo đó, người sử dụng đất đã hoàn thành nhiệm vụ tài chính, nộp tiền vào ngân sách Nhà nước.

Ngày 30/5/2011, Phòng T huyện xác lập hồ sơ trình UBND huyện H tại Tờ trình số 204/TTr-TN&MT. Ngày 31/5/2011, UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 551641 cho bà Hồ Thị Thu H (bà Hồ Thị Thu H là người đại diện cho các con chưa thành niên là Trần Hồ Cát N, sinh năm 1994 và Trần Hồ Viễn P, sinh năm 2001) đối với thửa đất số 1032, tờ bản đồ số 9, diện tích là 3980m², mục đích sử dụng là đất ở tại nông thôn, địa chỉ: Thôn Q, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Việc xác định đất tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 87 Luật Đất đai ban hành năm 2003 và khoản 2 Điều 45 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ.

Quá trình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DC 989339, số CTs 236660 do Sở T cấp ngày 09/5/2022 cho bà H, bà N và ông P. Ngày 07/3/2022, ông Mai Duy P1 (đại diện ủy quyền bà H, bà N và ông P) có đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện H đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE

551641 do UBND huyện H cấp ngày 31/5/2011 cho bà Hồ Thị Thu H, bà Trần Hồ Cát N và Trần Hồ Viễn P tại thửa đất số 1032, tờ bản đồ số 9, diện tích là 3980m², mục đích sử dụng là đất ở nông thôn, địa chỉ: Thôn Q, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng .

Theo đó, Chi nhánh Văn phòng Đ3 tại huyện H tiến hành đo hiện trạng thửa đất, xác lập hồ sơ địa chính bao gồm Phiếu xác nhận kết quả đo hiện trạng thửa đất; Bản mô tả ranh giới, mốc thửa đất; Trích lục bản đồ địa chính; Sơ đồ mặt bằng nhà đối với thửa đất 1032, tờ bản đồ chính số 9, và cập nhật chỉnh lý biến động thành thửa đất mới là thửa đất 11, tờ bản đồ số 41 với diện tích đo lại là 3982,2m², địa chỉ: Thôn Q, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Qua thẩm tra hồ sơ căn cứ theo quy định tại khoản 5 Điều 98 và khoản 1 Điều 99 Luật Đất đai ban hành năm 2013. Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Đ3 xác lập, thẩm định hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận trình Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Đà Nẵng.

Ngày 09/5/2022, Sở T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DC 989339 cho bà Hồ Thị Thu H, bà Trần Hồ Cát N và ông Trần Hồ Viễn P tại thửa đất số 11, tờ bản đồ số 41, diện tích 3982,2m² (trong đó: đất ở là 3980m²; đất trồng cây hàng năm khác là 2,2m²), địa chỉ: Thôn Q, xã H , huyện H , thành phố Đà Nẵng. Quá trình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DG 242418, số vào CTs 239729 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DG 242419, số vào sổ CT 239730 do Sở Tài nguyên và Môi trường cho bà Hồ Thị Thu H, bà Trần Hồ Cát N, ông Trần Hồ Viễn P. Sau khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số DC 989339; ngày 07/6/2022, bà Hồ Thị Thu H, chị Trần Hồ Cát N, anh Trần Hồ Viễn P nộp hồ sơ đề nghị tách thửa đất số 11, tờ bản đồ số 41 thành 02 thửa đất mới và được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại H tiếp nhận. Theo đó, Chi nhánh Văn phòng Đ3 tại huyện H tiến hành đo hiện trạng thửa đất, xác lập hồ sơ địa chính bao gồm Phiếu xác nhận kết quả đo hiện trạng đất; Bản mô tả ranh giới, mốc thửa đất; Trích lục bản đồ địa chính; Sơ đồ mặt bằng nhà, đối với thửa đất xin được tách thửa chủ hộ tách thành 02 thửa đất để cấp Giấy chứng nhận: Thửa đất số 368 có diện tích 500,2m² đất ở và thửa đất số 369 có diện tích 3482m² (Trong đó 3479,8m² đất ở và 2,2m² đất HNK). Qua thẩm định kiểm tra hồ sơ tách thửa đất của bà Hồ Thị Thu H, bà Trần Hồ Cát N và ông Trần Hồ Viễn P theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC 989339 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 09/5/2022 thì thửa đất không có Quyết định thu hồi đất của cơ quan có thẩm quyền.

Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 75 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; căn cứ tại khoản 1 Điều 1 Quyết định số 29/2018/QĐ-UB ngày 31/8/2018 của UBND thành phố Đ sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, ban hành kèm theo Quyết định số 42/2014/QĐ-UBND ngày 26/11/2014 của UBND thành phố Đ. Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Đ3 xác lập, thẩm định hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận trình Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Đà Nẵng.

Ngày 21/6/2022, Sở T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DG 242419 đối đất 369, tờ bản đồ số 41, diện tích 3482m² (trong đó: đất ở là 3479,8m²; đất trồng cây hàng năm khác là 2,2 m²) và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DG 242418 đối với thửa đất số 368, tờ bản đồ số 41, diện tích 500,2m², mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn cho bà Hồ Thị Thu H, bà Trần Hồ Cát N và ông Trần Hồ Viễn P, địa chỉ: Thôn Q, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng.

Quá trình biến động đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DG 242418, số vào sổ CTs 239729 do Sở T cấp ngày 21/6/ 2022.

Ngày 06/01/2023, bà Hồ Thị Thu H, bà Trần Hồ Cát N và ông Trần Hồ Viễn P chuyển nhượng toàn bộ quyền sử dụng đất tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DG 242418 cho ông Phạm Tiến D theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 0047, quyền số 01/2023 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 06/01/2023, xác lập tại Văn phòng C3, thành phố Đà Nẵng. Hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên đang được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại huyện H tiếp nhận hồ sơ giải quyết theo thủ tục hành chính và đã có kết quả thông báo thực hiện nghĩa vụ tài chính của Chi cục thuế khu vực C4 - H.

Tuy nhiên, Chi nhánh Văn phòng Đ3 tại H chưa đăng ký biến động sang tên cho ông Phạm Tiến D với lý do: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại H thực hiện theo Thông báo số 155/TB-CTHADS ngày 03/02/2023 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng về trách nhiệm thực hiện Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2023/QĐ - BBKCTT ngày 02/02/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng. Theo đó, bà Hồ Thị Thu H, bà Trần Hồ Cát N và ông Trần Hồ Viễn P (là người đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) không được thực hiện các hành vi: Chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho,

thế chấp, góp vốn quyền sử dụng đất, tách rời, hợp thửa...và bất cứ hành vi nào liên quan làm thay đổi hiện trạng, thay đổi thông tin người sử dụng đất đối với thửa đất đang là đối tượng tranh chấp.

Theo hồ sơ, nguồn gốc đất do bà Lê Thị C1 tự khai phá, sử dụng trước năm 1960 có kê khai đăng ký theo Chỉ thị 299/TTg. Sau khi bà C1 (chết) thì ông Trần Thiên K2 tiếp tục sử dụng đất ổn định không có tranh chấp về đất đai và được ông K2 kê khai đăng ký theo Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ tại Sở đăng ký ruộng đất, Sổ mục kê; ngày 10/02/1995, UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 372281 cho hộ ông Trần Thiên K2 tại thửa đất số 1032, tờ bản đồ số 9, diện tích 3980m².

Trên cơ sở Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 372281 do UBND huyện H cấp ngày 10/02/1995 cho hộ ông Trần Thiên K2; sau khi ông Trần Thiên K2 (qua đời) thì bà Hồ Thị Thu H lập Văn bản khai nhận di sản thừa kế tại Văn phòng C2 có số công chứng: 7029, quyển số HV3 TP/CC-SCC/HĐGD; theo đó, bà Hồ Thị Thu H đại diện cho các con chưa thành niên là bà Trần Hồ Cát N và ông Trần Hồ Viễn P khai nhận di sản thừa kế do chồng là ông Trần Thiên K2 (chết) để lại quyền sử dụng đất tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 372281; đến ngày 31/5/2011, bà Hồ Thị Thu H, bà Trần Hồ Cát N và ông Trần Hồ Viễn P được UBND huyện H cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 551641 do khai nhận di sản thừa kế từ ông Trần Thiên K2 (chết).

Đối với 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC 989339 năm 2022; và cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do tách thửa đối với 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DG 242418, DG 242419 năm 2022 (tách thửa từ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC 989339). Hiện nay, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DG 242418 được bà Hồ Thị Thu H, bà Trần Hồ Cát N và ông Trần Hồ Viễn P chuyển nhượng toàn bộ quyền sử dụng đất cho ông Phạm Tiến D theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 0047, quyển số 01/2023 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 06/01/2023, xác lập tại Văn phòng C3. Do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại huyện H thực hiện theo Thông báo số 155/TB - CTHADS ngày 03/02/2023 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng về việc chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2023/QĐ - BBKCTT ngày 02/02/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng. Theo đó, bà Hồ Thị Thu H, bà Trần Hồ Cát N và ông Trần Hồ Viễn P (là người đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) không thực hiện được các hành vi: Chuyển đổi, chuyển nhượng, cho

thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, thế chấp, góp vốn quyền sử dụng đất, tách thửa, hợp thửa ...và bất cứ hành vi nào liên quan làm thay đổi hiện trạng, thay đổi thông tin người sử dụng đất đối với thửa đất đang là đối tượng tranh chấp.

Từ khi hộ ông Trần Thiên K2 được UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận năm 1995 đến khi cơ quan có thẩm quyền lập các thủ tục về thừa kế, tách thửa, cấp đổi Giấy chứng nhận (tức là trước ngày, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng ban hành Thông báo thụ lý số 03/2023/TLST – HC ngày 17/01/2023 và Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2023/QĐ - BBKCTT ngày 02/02/2023) thì Văn phòng Đ3 và Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại huyện H không nhận được bất kỳ đơn thư khiếu nại liên quan đến việc cấp các Giấy chứng nhận như đã nêu trên.

Từ các cơ sở và nội dung như đã nêu trên; Sở T nhận thấy quá trình xác lập hồ sơ cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B372281 do UBND huyện H cấp ngày 10/02/1995 cho hộ ông Trần Thiên K2 và cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 551641 do UBND huyện H cấp ngày 31/5/2011 và Sở T cấp các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC 989339; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DG 242419 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DG 242418 là hoàn toàn đúng theo quy định của pháp luật về đai đất tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận.

Do đó, đối với yêu cầu hủy 05 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B372281, BE 551641, DC 989339, DG 242418 và DG 242419 là hoàn toàn không có cơ sở.

Sở T đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Đ về việc hủy 05 Giấy chứng nhận như đã nêu và yêu cầu Tòa bổ sung người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan tham gia vào nhiệm vụ là ông Phạm Tiến D (bên nhận chuyển nhượng theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhưng chưa được đăng ký biến động sang tên).

Tại phiên toà người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Hồ Thị Thu H, bà Trần Hồ Cát N và ông Trần Hồ Viễn P trình bày:

Năm 1993, bà H về chung sống với ông Trần Thiên K2 (SN 1966) tại thôn Q, xã H, Huyện H, TP Đà Nẵng. Đến nay, ông bà có 2 người con là Trần Hồ Cát N (SN 1994) và Trần Hồ Viễn P (SN 2001). Lúc về làm dâu, mẹ chồng đã mất. Ông K2 là con duy nhất của gia đình. Lúc này vợ chồng ông bà chung sống tại căn nhà 21m², xung quanh là rừng rậm hoang vu, gai góc um tùm. Qua nhiều năm, vợ chồng ông bà khai phá được 3.980m². Đến năm 1995 được nhà nước cấp sổ đỏ đứng tên ông là Trần Thiên K2. Năm 2000, vợ chồng ông bà xây ngôi nhà cấp 4

và xây lại mộ bà nội (tên là Lê Thị C1) đã chết từ lâu, chôn cất bằng mộ đất không có ai hương khói. Đồng thời, bỏ ra 3 chỉ vàng lập nên một ngôi nhà 70m² trên mảnh đất của vợ chồng ông bà kế bên ngôi mộ bà C1 để làm nơi thờ phụng ông bà. Đến năm 2004, ông K2 chết bà Trần Thị Đ (địa chỉ: A K, phường X, quận T, thành phố Đà Nẵng) đến nhà lấy hết giấy tờ, trong đó có Giấy chứng nhận (GCN) quyền sử dụng đất ở, hộ khẩu, giấy kết hôn, giấy khai sinh của 2 con với ý đồ chiếm đoạt, muốn chuyển quyền sử dụng đất cho chính bản thân bà.

Vào năm 2010, ông Trần T là bác chồng buộc bà H tham dự cuộc họp gia đình tại nhà bà Trần Thị Đ. Cuộc họp này con trai của bà Đ là Lê Xuân L trấn áp bà phải ghi vào hồ sơ chuyển quyền sử dụng đất cho ông T và bà Đ. Nhưng bà không đồng ý vì đất này của vợ chồng bà.

Năm 2011, ông Lê Xuân L đem toàn bộ giấy tờ trả lại cho bà và bảo bà đem ra UBND xã H làm thừa kế, kê khai làm sổ hồng. Khi làm xong UBND xã H không trả hồ sơ cho bà mà trả hồ sơ cho ông Lê Xuân L, rồi sau đó ông L mang đến nhà bà 1 bộ hồ sơ tách rời và sổ hồng của bà, yêu cầu bà ký vào 12 bộ hồ sơ không điền thông tin. Sau đó bà thế chấp cho Ngân hàng K3 để vay vốn làm ăn, số tiền là 250.000.000 đồng. Do khế ước vay ngắn hạn, nên bà thường xuyên đáo hạn hàng năm. Nhưng bà chỉ đáo hạn được 2 năm thì không đáo hạn được nữa vì ông Trần T1 gửi đơn đến nhiều nơi để ngăn chặn giao dịch. Vì vậy gia đình bà bị phạt trả nợ từ năm 2014 đến năm 2021 từ số tiền vay 250 triệu thành 623 triệu đồng. Mặt khác, ngăn chặn việc xử lý hồ sơ tách thửa với lý do: Hồ sơ này có đơn tranh chấp của ông Trần T1 và ông Lê Xuân L.

Ngày 19/5/2022, UBND xã H tổ chức họp giải quyết tranh chấp gồm có: ông Trần Đình Q (con ông Trần T), bà Đặng Thị Kiều T2 (con gái bà Trần Thị Đ) và bà H, nội dung cuộc họp yêu cầu bà phải nhượng lại cho con của ông T1, bà Đ1 là 1.000m² đất nhưng bà không đồng ý (có Biên bản giải quyết của UBND xã H).

Ngày 21/6/2022 bà H làm thủ tục tách thửa thành 02 lô đất: Thửa đất số 368 có diện tích 500,2m² và thửa đất 369 có diện tích 3,482m² và được Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ. Ngày 30/6/2022, bà Trần Thị Đ gửi đơn kiện đến Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc tranh chấp đất đai với bà. Đến nay bà vẫn chưa bán được đất. Trong khoảng thời gian từ năm 2011 đến nay, gia đình ông T và bà Đ đã gây ra bao nhiêu áp lực, ngăn chặn làm cho gia đình bà mất đi quyền sử dụng tài sản để phát triển kinh tế gia đình, còn bị phạt trả vay ngân hàng suốt 08 năm, với số tiền lên đến gần 400 triệu đồng dẫn đến gia đình bà phải nợ chồng chất. Đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Đ.

- Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 17/2023/HC-ST ngày 27 tháng 7 năm 2023 Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng quyết định:

Căn cứ Điều 30, Điều 32, khoản 2 Điều 193, Điều 196, Điều 206 và Điều 213 của Luật tổ tụng Hành chính và căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Đ về việc yêu cầu hủy các giấy chứng nhận sau:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 372281 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp cho ông Trần Thiên K2 ngày 10/02/1995.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 551641 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp cho bà Hồ Thị Thu H ngày 31/5/2011.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DC 989339 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ cấp cho bà Hồ Thị Thu H, Trần Hồ Cát N, và Trần Hồ Viễn P ngày 09/5/2022.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DG 242418 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ cấp ngày 21/6/2022.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DG 242419 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ cấp ngày 21/6/2022.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 01/8/2023, Tòa án thành phố Đà Nẵng nhận được đơn của người khởi kiện bà Trần Thị Đ kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa người kháng cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị chấp nhận các nội dung khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng, về phần thủ tục tố tụng ở giai đoạn xét xử phúc thẩm bảo đảm đúng quy định pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị Đ giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; ý kiến trình bày, tranh luận của đương sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của bà Trần Thị Đ trong thời hạn quy định và đúng thủ tục nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Theo hồ sơ địa chính thể hiện tại Sổ mục kê, Bản đồ 299/TTg thì diện tích đất mà bà Nguyễn Thị Đ2 khởi kiện là của cụ Lê Thị C1 (mẹ bà Đ2), có đăng ký ruộng đất số 1010, tờ bản đồ số 02, diện tích 4700m².

Sau khi cụ C1 chết thì thửa đất trên được UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 372281 đối với thửa đất số 1032, tờ bản đồ số 9, diện tích 3980m², loại đất: Thổ cư; thời hạn sử dụng: Lâu dài, cho hộ ông Trần Thiên K2.

Ngày 31/5/2011, UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 551641 cho bà Hồ Thị Thu H (bà Hồ Thị Thu H là người đại diện cho các con chưa thành niên là Trần Hồ Cát N, sinh năm 1994 và Trần Hồ Viễn P, sinh năm 2001) đối với thửa đất số 1032, tờ bản đồ số 9, diện tích là 3980m², mục đích sử dụng là đất ở tại nông thôn, địa chỉ: Thôn Q, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng.

Theo trình bày của người bị kiện Sở T thì:

Theo hồ sơ kê khai đăng ký theo Chỉ thị 299/TTg ngày 11/10/1980 của Thủ tướng Chính phủ được UBND xã H xác nhận tại Sổ đăng ký ruộng đất, Sổ mục kê, Bản đồ 299/TTg thì bà Lê Thị C1 có đăng ký ruộng đất số 1010, tờ bản đồ số 02, diện tích 4700m².

Hồ sơ kê khai đăng ký theo Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ, như sau: ông Trần Thiên K2 kê khai đăng ký tại Sổ đăng ký ruộng đất thửa đất số 1032, tờ bản đồ số 09, diện tích 3980m² loại đất “T”, Bản đồ 64/CP có thể hiện thửa đất số 1032, tờ bản đồ số 9, diện tích 3980m² loại đất “T”.

Ngày 10/02/1995, hộ ông Trần Thiên K2 được UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 372281 đối với thửa đất số 1032, tờ bản đồ số 9, diện tích 3980m², loại đất: Thổ cư; thời hạn sử dụng: Lâu dài, tại xã H, huyện H.

Ngày 31/5/2011, UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 551641 cho bà Hồ Thị

Thu H (bà Hồ Thị Thu H là người đại diện cho các con chưa thành niên là Trần Hồ Cát N, sinh năm 1994 và Trần Hồ Viễn P, sinh năm 2001) đối với thửa đất số 1032, tờ bản đồ số 9, diện tích là 3980m², mục đích sử dụng là đất ở tại nông thôn, địa chỉ: Thôn Q, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng.

Năm 2011, bà Hồ Thị Thu H nộp lập hồ sơ kế thừa quyền sử dụng đất từ chồng là ông Trần Thiên K2 (qua đời) để lại di sản thừa kế là quyền sử dụng đất tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 372281 đối với thửa đất số 1032, tờ bản đồ số 9, diện tích 3980m² tại xã H, huyện H và đồng thời theo nội dung tại Giấy xác nhận về nguồn gốc sử dụng đất, Đơn đề nghị xác nhận nguồn gốc đất ở; Đơn xin xác nhận kê khai đăng ký đất đai theo Chỉ thị 299/TTg ngày 10/11/1980 của Thủ tướng Chính phủ được UBND xã H xác nhận là do bà Lê Thị C1 tự khai sử dụng trước năm 1960 có kê khai đăng ký theo Chỉ thị 299/TTg tại thửa đất số 1010, tờ bản đồ số 02, diện tích 4700m² để lại cho ông Trần Thiên K2, ông K2 có kê khai đăng ký theo Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ và hộ ông Trần Thiên K2 được UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 372281 đối với thửa đất số 1032, tờ bản đồ số 9, diện tích 3980m² loại đất: Thổ cư; thời hạn sử dụng: Lâu dài, tại xã H, huyện H. Nay ông K2 (chết) để lại tài sản cho vợ là bà Hồ Thị Thu H; tình trạng về tranh chấp đất đai là không có ai tranh chấp đất đai, không có quy định giải tỏa.

Theo kê khai của bà H khi làm các thủ tục thừa kế và cấp đổi Giấy chứng nhận bà H tự kê khai (có xác nhận của khu dân cư và UBND xã) tự xác định nhà và đất do bà Lê Thị C1 khai phá xây dựng, sử dụng trước năm 1960 có kê khai đăng ký theo Chỉ thị 299/TTg tại thửa đất số 1010, tờ bản đồ số 02, diện tích 4700m² để lại cho ông Trần Thiên K2, ông K2 có kê khai đăng ký theo Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ và hộ ông Trần Thiên K2 được UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 372281 đối với thửa đất số 1032, tờ bản đồ số 9, diện tích 3980m² loại đất: Thổ cư;

Như vậy, theo hồ sơ địa chính của thửa đất, theo báo cáo, trình bày của người bị kiện và trình bày của người khởi kiện, kê khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thì diện tích đất thổ cư cấp tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 372281, số vào sổ 01786 do UBND huyện H, tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng cấp ngày 10/02/1995 cho hộ ông Trần Thiên K2 theo Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ, sau đó được cấp và cấp đổi thành đất ở nông thôn cho bà H và các con là diện tích đất thổ cư của cụ Lê Thị C1.

Tuy nhiên, Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ chỉ quy định giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng vào mục đích sản xuất

nông nghiệp nhưng thửa đất của cụ C1 khi đó là đất thổ cư và trên đất khi đó có nhà cửa và các tài sản khác của cụ C1 nên không thể áp dụng Nghị định này để điều chỉnh toàn bộ phần đất thổ cư từ của cụ C1 sang thành đất thổ cư cho ông K2, sau đó chuyển đổi tiếp thành đất ở nông thôn cho bà H và các con. Do đó việc UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất thổ cư này cho hộ ông K2 là không đúng đối tượng theo Nghị định 64/Cp.

Mặt khác, diện tích đất trên và tài sản gắn liền với đất là của cụ C1 nên khi cụ C1 chết thì di sản phải được giải quyết theo quy định của pháp luật về thừa kế. Ông Trần Thiên K2 chỉ là cháu ở cùng trên đất của cụ C1 mà không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh được cụ C1 giao hay tặng cho để quản lý, sử dụng nhà đất của cụ hoặc được gia đình cụ C1 đồng ý và cho ông K2 được kê khai đăng ký toàn bộ diện tích đất nêu trên. Do đó năm 1990 cụ C1 chết, đến năm 1995 ông K2 được cấp giấy chứng nhận đối với toàn bộ thửa đất của cụ C1 là cũng không có căn cứ, chưa đảm bảo quy định của pháp luật.

Như vậy, việc kê khai, đăng ký và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất toàn bộ thửa đất của cụ C1 cho ông Trần Thiên K2 là không đúng quy định của pháp luật, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của gia đình bà Đ2 và những người liên quan.

Do Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 372281, số vào số 01786 do UBND huyện H, tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng cấp ngày 10/02/1995 cho hộ ông Trần Thiên K2 không đúng nên các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp lại hoặc cấp đổi trên cơ sở giấy chứng nhận này (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 551641 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp cho bà Hồ Thị Thu H ngày 31/5/2011, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DC 989339 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ cấp cho bà Hồ Thị Thu H, Trần Hồ Cát N và Trần Hồ Viễn P ngày 09/5/2022, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DG 242418 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ cấp ngày 21/6/2022, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DG 242419 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ cấp ngày 21/6/2022) cũng không có căn cứ nên cần hủy để đảm bảo tính thống nhất và đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Đối với việc xác định quyền và nghĩa vụ đối với diện tích đất nêu trên cũng như các giao dịch liên quan đến thửa đất nếu các bên có yêu cầu thì có thể đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét giải quyết trong vụ việc khác theo quy định của pháp luật.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo được chấp nhận nên bà Trần Thị Đ không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và án phí hành chính phúc thẩm. UBND huyện H, Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị Đ, sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 17/2023/HC-ST ngày 27 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Đ, hủy các giấy chứng nhận sau:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 372281 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp cho ông Trần Thiên K2 ngày 10/02/1995.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 551641 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp cho bà Hồ Thị Thu H ngày 31/5/2011.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DC 989339 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ cấp cho bà Hồ Thị Thu H, Trần Hồ Cát N và Trần Hồ Viễn P ngày 09/5/2022.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DG 242418 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ cấp cho bà Hồ Thị Thu H, Trần Hồ Cát N và Trần Hồ Viễn P ngày 21/6/2022.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DG 242419 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ cấp cho bà Hồ Thị Thu H, Trần Hồ Cát N và Trần Hồ Viễn P ngày 21/6/2022.

2. Về án phí:

- Án phí hành chính sơ thẩm: Ủy ban nhân dân huyện H, thành phố Đà Nẵng, Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ mỗi cơ quan phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm. Bà Trần Thị Đ không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Hoàn

trả lại cho bà Trần Thị Đ số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0005167 ngày 10/01/2023 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

- Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Trần Thị Đ không phải chịu. Hoàn trả lại cho bà Trần Thị Đ số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0001413 ngày 31/8/2023 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Cục THADS thành phố Đà Nẵng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Văn Hợp